

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Đại số và lý thuyết số

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trương Thị Hồng Thanh

2. Ngày tháng năm sinh: 12/08/1979; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Diên Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 5, ngách 178/45, phố Tây Sơn, Phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Số 5, ngách 178/45, phố Tây Sơn, Phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0915532308;

E-mail: thanhth@hnue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 136 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.37547823

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 20 tháng 07 năm 2001, số văn bằng: 321251, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và lý thuyết số; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Được cấp bằng ThS [4] ngày 26 tháng 02 năm 2004, số văn bằng: 010247, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và lý thuyết số; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Được cấp bằng TS [5] ngày 29 tháng 08 năm 2011, số văn bằng: 000549, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và lý thuyết số; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- 10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...
- 11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- 12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học
- 13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Bội, bội trộn và các vấn đề liên quan.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 18 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành 2 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 2 đề tài NCKH cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 16 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 5, trong đó 5 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Giải Nhì môn Toán trong kì thi học sinh giỏi lớp 9 toàn quốc	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1994
2	Tốt nghiệp thủ khoa khoa Toán khoá 1997-2001	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2001
3	Thưởng công trình toán học - Chương trình trọng điểm Quốc gia về toán giai đoạn 2010-2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2014
4	Thưởng công trình toán học - Chương trình trọng điểm Quốc gia về toán giai đoạn 2010-2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2016

5	Thưởng công trình toán học - Chương trình trọng điểm Quốc gia về toán giai đoạn 2010-2020	Viện nghiên cứu cao cấp về Toán	2019
---	--	---------------------------------	------

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của cơ quan và pháp luật của Nhà nước.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu được giao.
- Luôn có ý thức tự đào tạo và tự hoàn thiện bản thân để thích ứng với những thay đổi của ngành giáo dục.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 18 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016			2	2	240	45	285/418.5/270
2	2016-2017			3	3	285	45	330/450/270
3	2017-2018			3		555	83	638/690.08/270

03 năm học cuối								
4	2018-2019			2		375	90	465/604.62/243
5	2019-2020			2		322	70	392/415.58/243
6	2020-2021			3		425	180	605/728.3/243

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Tôi có thể hiểu các tài liệu chuyên môn bằng Tiếng Anh, đã tham gia và có báo cáo tại các hội nghị, xê-mi-na có sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh. Tôi cũng đã cùng các đồng nghiệp viết và công bố 16 bài báo bằng Tiếng Anh (trong đó có 11 bài tôi là tác giả viết chính Tiếng Anh các bài báo đó). Để đáp ứng tiêu chuẩn về ngoại ngữ của giảng viên Đại học Sư phạm Hà Nội, tôi đã thi và có chứng chỉ TOEFL IBT đạt 560 điểm năm 2006.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Giấy chứng nhận giảng dạy bằng Tiếng Anh của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Ánh		X	X		11/2013 đến 06/2014	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2014
2	Hà Thị Huyền Diệp		X	X		11/2013 đến 10/2014	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2014
3	Nguyễn Thị Mình Lý		X	X		11/2013 đến 10/2014	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2014
4	Vũ Thị Ánh		X	X		11/2014 đến 06/2015	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2015

5	Bùi Thị Hiền		X	X		11/2014 đến 06/2015	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2015
6	Đỗ Thị Hương		X	X		11/2015 đến 06/2016	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2016
7	Vũ Thị Minh Thúy		X	X		11/2015 đến 06/2016	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2016
8	Nguyễn Thị Thu Hương		X	X		11/2015 đến 10/2016	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2016
9	Nguyễn Thuý Linh		X	X		11/2016 đến 10/2017	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2017

10	Nguyễn Thị Bích Loan		X	X		11/2016 đến 10/2017	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2017
11	Lê Thị Hồng Tiến		X	X		11/2016 đến 10/2017	Trường Đại học Sư phạm Hà nội	2017
12	Nguyễn Thị Hương		X	X		11/2017 đến 10/2018	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2018
13	Hoàng Thị Lệ		X	X		11/2017 đến 10/2018	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2018
14	Lê Anh Thư		X	X		11/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2019

15	Bùi Thị Kim Thoa		X	X		11/2018 đến 10/2019	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2019
16	Nguyễn Thị Loan		X	X		11/2018 đến 10/2020	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2020
17	Nguyễn Trà Mi		X	X		11/2019 đến 10/2020	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2020
18	Tô Thị Kiều Oanh		X	X		11/2019 đến 10/2020	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ							

1	Bài tập Lí thuyết module	GT	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, năm 2009	7	VC	(Chương 3: 39-50; 131-148)	Giấy chứng nhận số 296/GCN-ĐHSPHN Ngày 16/07/2021
2	Bài tập Cơ Sở lí thuyết số và Đa thức	GT	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, năm 2011	8	VC	(Chương 2: 15-20; 115-124)	Giấy chứng nhận số 296/GCN-ĐHSPHN Ngày 16/07/2021
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
3	Bài tập lí thuyết Galois	GT	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, năm 2014	5	VC	(Chương 3: 31-43; 101-132)	Giấy chứng nhận số 296/GCN-ĐHSPHN Ngày 16/07/2021
4	Cơ sở đại số hiện đại	GT	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, năm 2014	2	VC	(Biên soạn toàn bộ sách theo chỉ đạo của Chủ biên)	Giấy chứng nhận số 296/GCN-ĐHSPHN Ngày 16/07/2021
5	Bài tập Cơ sở đại số hiện đại	GT	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, năm 2020	5	VC	(Chương 4, 6, 7, 8: 78-88; 101-157; 259-271; 299-371)	Giấy chứng nhận số 296/GCN-ĐHSPHN Ngày 16/07/2021

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả	
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ						
1	ĐT: Bội và bội trộn của một số đại số đa phân bậc	CN	SPHN-09-383 NCS, cấp Cơ sở	28/06/2009 đến 23/06/2010	23/06/2010/Xuất sắc	
2	ĐT: Bội trộn của đại số đa phân bậc trên vành địa phương Noether	CN	SPHN-10-583 NCS, cấp Cơ sở	15/01/2011 đến 01/09/2011	01/09/2011/Xuất sắc	
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ						
3	ĐT: Bội và các vấn đề liên quan	TK	101.01-2012.01, cấp Nhà nước	01/07/2013 đến 01/07/2015	27/7/2015/Đạt	
4	ĐT: Bội và các vấn đề liên quan	TK	101.04-2015.01, cấp Nhà nước	01/08/2016 đến 01/08/2019	28/06/2020/Đạt	

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	On a mixed multiplicity type	1	Có	HNUE Journal of Science (Tạp chí khoa học-Trường ĐH Sư phạm Hà Nội)			No. 4, 3-11	09/2006
2	On the multiplicity of multi-graded algebras over Noetherian local rings	1	Có	HNUE Journal of Science (Tạp chí khoa học-Trường ĐH Sư phạm Hà Nội)			Vol.54, No.1, 27-34	03/2009
3	The multiplicity of some blow-up algebras of equimultiple ideals	2	Có	International Journal of Algebra	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		Vol. 4, No. 5, 221-232	05/2010

4	On (FC)-sequences and mixed multiplicities of multi-graded algebras	2	Có	Tokyo Journal of Mathematics	Q2 - SCIE IF: 0.315		Vol. 34, No. 1, 185-202	01/2011
5	Multiplicity and Cohen-Macaulayness of fiber cones of good filtrations	2	Có	Kyushu Journal of Mathematics	Q3 - SCIE IF: 0.438		Vol. 65, No. 1, 1-13	06/2011
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
6	On some superficial sequences	3	Không	Southeast Asian Bulletin Mathematics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		Vol. 38, No. 6, 803-811	01/2014
7	On some multiplicity and mixed multiplicity formulas	2	Có	Forum Mathematicum	Q1 - SCI IF: 1.056		Vol. 26, No. 2, 413-442	03/2014
8	A note on joint reductions and mixed multiplicities	3	Không	Proceedings of the American Mathematical Society	Q1 - SCI IF: 1.005		Vol.142, No. 6, 1837-1851	02/2014
9	A note on formulas transmuting mixed multiplicities	2	Có	Forum Mathematicum	Q1 - SCI IF: 1.056		Vol. 26, No. 6, 1837-1851	12/2014

10	On Filter-regular Sequences of Multi-graded Modules	2	Có	Tokyo Journal of Mathematics	Q2 - SCIE <i>IF: 0.315</i>		Vol. 38, No. 2, 439-411	11/2015
11	The Euler-Poincaré characteristic and mixed multiplicities	2	Có	Kyushu Journal of Mathematics	Q3 - SCIE <i>IF: 0.438</i>		Vol. 69, No. 2, 393-411	10/2015
12	Mixed multiplicities of maximal degrees	2	Có	Journal of the Korean Mathematical Society	Q3 - SCIE <i>IF: 0.583</i>		Vol. 55, No. 3, 605-622	05/2018
13	Mixed multiplicities and the multiplicity of Rees modules of reductions	2	Không	Journal of Algebra and Its Applications	Q2 - SCIE <i>IF: 0.736</i>		Vol. 18, No. 9, 1950176, p. 13	09/2019
14	Toward Mixed Multiplicities and Joint Reductions	2	Không	Bulletin of the Brazilian Mathematical Society, New Series	Q3 - SCIE <i>IF: 1.177</i>		Vol. 51, No. 3, 745-759	09/2020
15	On a Change of Rings for Mixed Multiplicities	2	Có	Bulletin of the Korean Mathematical Society	Q3 - SCIE <i>IF: 0.502</i>		Vol. 57, No. 5, 1251-1258	09/2020

16	The Euler–Poincaré characteristic of joint reductions and mixed multiplicities	2	Không	Journal of Algebra and Its Applications	Q2 - SCIE <i>IF: 0.736</i>		Vol. 20, No. 2, 2150026, p. 20	02/2021
----	--	---	-------	---	-------------------------------	--	--------------------------------	---------

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà U.V là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 6 ([7] [9] [10] [11] [12] [15])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà U.V là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả

chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2021

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)